

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/12/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RCDM+RP3	7:25	11+8	0+0		5+14	0+0	
2		TD1+BK19+BK21+P4	7:25	21+0+0+0	0+0+0+0		19+0+0+1	0+0+0+0	chuyen 1 bk19-bk21
3		CLO+P8+TTC2	7:25	21+0+0	0+0+0		17+2+0	0+0+0	chuyen 2 p8-ttc2
4		VSP02+RP1	7:25	8+14	0+0		7+15	0+0	
5		RP3+RC4	9:25	14+5	0+0		11+8	0+0	ec225
6		RC6+VSP02	9:25	11+11	0+0		6+16	0+0	
7		RC10+RC5+RP1	9:25	0+7+12	0+0+0		1+8+13	0+0+0	chuyen 1 rc10-rc5
8		RC8+VSP02	9:25	6+16	0+0		4+18	0+0	
9		TD1+P9+RP3	11:25	4+1+17	0+0+0		0+1+18	0+0+0	

TTBĐSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/12/2024	TO: RCDM - RP3	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:45
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ATUÁN - VLINH	ETA: 09:35
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ CHÍ BẢO	RCDM	86	1	22	1	18	77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG TIN	RCDM	32	1	13			86	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG DŨNG	RCDM	31	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
4	TU TUAN TU	RCDM	87	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG HUNG	RCDM	82-83	2	13			73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NANG	RCDM	28	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH HUNG	RCDM	85	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
8	KIM NHẬT THANH	RCDM	33	1	7	2	25	70	CODIEN	Vietnamese
9	ĐOÀN TUẤN DƯƠNG	RCDM	84	1	9			65	CODIEN	Vietnamese
10	LÊ HUY BẠC	RCDM	29-30	2	13			69	CODIEN	Vietnamese
11	HỒ TRỌNG BẢNG	RCDM	80-81	2	17			73	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀI THANH	RP3	55	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
13	LUƠNG VĂN PHỒ	RP3	54	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ QUANG TỎ	RP3	51	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
15	VÕ TẤN CHÂU	RP3	57	1	7			83	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	RP3	58	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
17	HA VAN NIN	RP3	52	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN CÔNG SOAI	RP3	53	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM MINH TOÀN	RP3	59	1	5			59	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

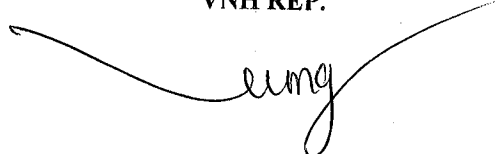
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RCDM	11	814	14	120	3	43	5		
2	RP3	8	551	8	43	0	0	14		
TOTAL		19	1.365	22	163	3	43	19		
WEIGHT KG			1.365		163		43			

GRAND TOAL: 1.571 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/12/2024	TO: TD1 - BK19 - BK21 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: DUONG - SON - HUY	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE TRONG LUONG	TD1	01	1	4			71	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG VAN NAM	TD1	91	1	8			85	KHOAN	Vietnamese
3	LE QUOC BAO	TD1	95	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
4	MAI VAN HOI	TD1	08	1	4			71	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN MINH SON	TD1	02	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
6	ĐINH VAN TRONG	TD1	94	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG ANH TUAN	TD1	93	1	7			79	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN VAN SANG	TD1	09	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
9	QUACH VAN THANG	TD1	99	1	8			68	KHOAN	Vietnamese
10	VÔ TÁ HOANG ANH	TD1	06-07	2	8			74	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TRUONG DUONG	TD1	92	1	5			95	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN ĐANG LAM	TD1	03	1	5			63	KHOAN	Vietnamese
13	HO THAI HUNG	TD1	04-05	2	10			95	KHOAN	Vietnamese
14	TRINH HOANG KHANH	TD1	90	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
15	MAI ĐAI HAI	TD1	98	1	11			69	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN HONG SON	TD1	96-97	2	19			74	BAKER HUC	Vietnamese
17	ĐẠO DUY KHANH	TD1	200	1	16			77	BAKER HUC	Vietnamese
18	LE CONG TRANG	TD1	10-11	2	20			66	BAKER HUC	Vietnamese
19	VU MINH ĐUC	TD1	13-14	2	18	2	10	93	KH-THAC	Vietnamese
20	LE PHU PHUC	TD1	12	1	7			86	DVL	Vietnamese
21	CHU DINH THANH	TD1	89	1	8			52	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	21	1.581	26	184	2	10	19		
2	BK19	0	0	0	0	0	0	0 + 1		CHUYEN 01 PAX TU BK19 - BK21
3	BK21	0	0	0	0	0	0	0		
4	P4	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	1.581	26	184	2	10	20		
WEIGHT KG			1.581		184		10			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/12/2024	TO: CLO - P8 - TTC2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:30
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HỮU - HTNAM	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN NGỌC THẠCH	CLO	68	1	8			59	D-HANH	Vietnamese
2	VOROBYEV SERGEY	CLO	64	1	7			101	KHOAN	Russian
3	DATSKO PAVEL	CLO	63	1	12			112	KHOAN	Russian
4	LÊ MẠNH THĂNG	CLO	80	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	71	1	9			73	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TUẤN ANH	CLO	75	1	8	2	30	73	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG TÂM	CLO	70	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN HỮU SƠN	CLO	60	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
9	HOÀNG MINH PHÚC	CLO	61	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU HOÀNG QUÂN	CLO	59	1	6			60	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	65	1	7			61	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN THANH	CLO	66	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
13	HỒ VĂN RÕN	CLO	76	1	14			77	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN GIN	CLO	73-74	2	13			68	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	CLO	81-82	2	10			61	KHOAN	Vietnamese
16	ĐINH VIỆT DŨNG	CLO	62	1	8			61	DVL	Vietnamese
17	LÊ HOÀI THIÊN	CLO	69	1	14			78	DVL	Vietnamese
18	TRẦN BA ĐỨC	CLO	78-79	2	19			83	DVL	Vietnamese
19	TRẦN VĂN NGHĨA	CLO	77	1	17			86	DVL	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HIỆP	CLO	67	1	17			75	DVL	Vietnamese
21	NHÂM ĐỨC TUÂN	CLO	72	1	12			71	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	21	1.547	24	202	2	30	17		
2	P8	0	0	0	0	1	20	2	2	CHUYEN 2 PAX P8-TTC2
3	TTC2	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	1.547	24	202	3	50	19		
WEIGHT KG			1.547		202		50			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/12/2024	TO: VSP02 - RP1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DUCHENKO A	VSP02	61	1	7	2	30	135	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN CÔNG LAM	VSP02	59-60	2	10			71	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG NGỌC CUÔNG	VSP02	55	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	58	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN KINH	VSP02						64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN DỰ	VSP02	56-57	2	14			73	YTE	Vietnamese
7	VÔ TÂN LINH	VSP02	62	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN PHƯƠNG	VSP02	63	1	8			86	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ HUY TÂM	RP1	19	1	5	1	15	55	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN TUẤN ANH	RP1	13	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI NGỌC LONG	RP1	21	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
12	PHÙNG ĐẠI DƯƠNG	RP1	16	1	6			86	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP1	26	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	18	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI QUANG HOÀN	RP1	24-25	2	11			100	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN Y	RP1	22	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH VĂN LIÊN	RP1	17	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ TRI KHANH	RP1	20	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM XUÂN THANH	RP1	14-15	2	20			72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN BAO TRUNG	RP1	27	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC TÚ	RP1	12	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
22	TÀNG THANH DÂN	RP1	23	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP02	8	637	9	58	2	30	7		
2	RP1	14	1.005	16	95	1	15	15		
TOTAL		22	1.642	25	153	3	45	22		
WEIGHT KG			1.642		153		45			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/12/2024	TO: RP3 - RC4	AIRCRAFT: 616	ETD: 10:05
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: ATUÁN - VLINH	ETA: 11:55
CAM-2			

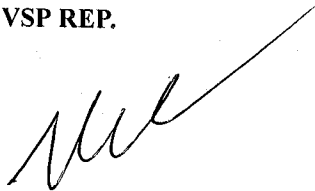
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẶNG CÔNG THỊNH	RP3	70	1	6			87	KH-THAC	Vietnamese
2	LE CÔNG HÙNG	RP3	69	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM QUỐC CHÊ	RP3	67	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG TRỌNG THỨC	RP3	68	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
5	VU TRUNG KIEN	RP3	65	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TUNG	RP3	61-62	2	12			59	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VIỆT HÙNG	RP3	73	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG TRUNG HIỆU	RP3	74-75	2	14			74	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH TÂN NGON	RP3	63	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	66	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
11	CAO ĐỨC THANH	RP3	64	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG HAI HA	RP3	71	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	72	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÌNH QUANG THANH	RP3	76	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN MINH THỊ	RC4	17	1	10			110	KH-THAC	Vietnamese
16	VÔ QUỐC THÔNG	RC4	16	1	12			78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH SƠN	RC4	18-19	2	15	1	10	70	KH-THAC	Vietnamese
18	VÔ HUY HOANG	RC4	21	1	10			86	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TẤT TÂM	RC4	20	1	5			53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	14	1.024	16	92	0	0	11		
2	RC4	5	397	6	52	1	10	8		
TOTAL		19	1.421	22	144	1	10	19		
WEIGHT KG			1.421		144		10			

GRAND TOAL: 1.575 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/12/2024	TO: RC6 - VSP02	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 11:45
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ QUANG TUYẾN	RC6	11	1	6	2	30	71	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI QUỐC VIỆT	RC6						82	KH-THAC	Vietnamese
3	CHU TIẾN BÌNH	RC6	15-16	2	7			65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LẠ	RC6						70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐỨC	RC6	20	1	16	1	20	78	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN NGHỊ	RC6	17-18	2	15			63	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	RC6	21-22	2	20			63	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN THANH	RC6	19	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ HỮU TƯỜNG	RC6	12	1	4			58	CODIEN	Vietnamese
10	ĐINH VĂN HOÀNG	RC6	13	1	17			96	CODIEN	Vietnamese
11	TRẦN CAO MONG	RC6	14	1	7			59	PSV	Vietnamese
12	HA MANH THANG	VSP02	89	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ QUỐC TRÌNH	VSP02	95	1	11			64	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM DUY QUANG	VSP02						61	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	88	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	VSP02	91	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02						80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	90	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM TRỌNG TUẤN	VSP02	86	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02	92	1	9			54	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI XUÂN TIẾN	VSP02	93-94	2	10			65	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ THAI SƠN	VSP02	87	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC6	11	784	12	102	3	50	6		
2	VSP02	11	714	10	65	0	0	16		
TOTAL		22	1.498	22	167	3	50	22		
WEIGHT KG			1.498		167		50			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/12/2024	TO: RC10 - RC5 - RP1	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HỮC - HTNAM	ETA: 11:40
TIM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CAO THANH HỢP	RC5	03	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HÂN	RC5	06	1	4			83	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC NHAN	RC5	10	1	11	2	35	80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN KIM THẠCH	RC5	07-08	2	8	2	41	61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RC5	02	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH TUÂN	RC5	09	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
7	KIEU MINH QUYẾT	RC5	01	1	6			63	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1						69	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN THANH	RP1	22	1	2			75	KH-THAC	Vietnamese
10	VU ĐÌNH ĐẠI	RP1	26	1	12			66	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG TRỌNG GIAO	RP1	28	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN TRỌNG HIỂU	RP1	27	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC HUY	RP1	21	1	8			90	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC THUẬN	RP1	29	1	11			67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TUÂN	RP1						77	PSV	Vietnamese
16	HA QUỐC VINH	RP1	23	1	5			70	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN KHANH CHÂN	RP1	24	1	3			59	PSV	Vietnamese
18	LÊ VĂN QUÝ	RP1	20	1	10			77	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN HUÂN	RP1	25	1	3			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC10	0	0	0	0	0	0	1+	1	CHUYEN 1 PAX RC10-RC5
2	RC5	7	497	8	51	4	76	8		
3	RP1	12	859	10	61	0	0	13		
TOTAL		19	1.356	18	112	4	76	22		
WEIGHT KG			1.356		112		76			

GRAND TOAL: 1.544 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/12/2024	TO: RC8 - VSP02	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - SON - HUY	ETA: 11:50
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HUYNH MINH SANG	RC8	06	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
2	VO VAN DONG	RC8	05,04	2	10			73	KH-THAC	Vietnamese
3	LUONG TUAN ANH	RC8	29	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN ANH QUANG	RC8	07-08	2	22			80	KH-THAC	Vietnamese
5	HUA HUNG SON	RC8	09-10	2	17			71	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG NGOC HOA	RC8	11	1	6			66	PSV	Vietnamese
7	BUI HUY BINH	VSP02	27	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔ VĂN HUNG	VSP02	26	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	19	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐO TRUNG DUNG	VSP02	20-21	2	12			59	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HỮU TRI	VSP02	22-23	2	16			72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	VSP02	17-18	2	8			82	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HỮU KHANH	VSP02	28-29	2	19			72	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯU SƠN	VSP02	45-46	2	10			74	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH ANH BẢO	VSP02	25	1	11			84	KH-THAC	Vietnamese
16	LUƠNG HOÀNG ĐẠT	VSP02	24	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN VIỆT QUANG	VSP02	15-16	2	15			71	KH-THAC	Vietnamese
18	VÔ XUÂN TOÀN	VSP02	31	1	4			79	PSV	Vietnamese
19	LÊ ĐĂNG KHOA	VSP02	33	1	7			66	PSV	Vietnamese
20	HOANG VAN TRUNG	VSP02	30	1	5			85	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN KHUÔNG	VSP02	34	1	8			58	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	VSP02	32	1	4			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC8	6	456	9	66	0	0	4		
2	VSP02	16	1.144	22	141	0	0	18		
TOTAL		22	1.600	31	207	0	0	22		
WEIGHT KG			1.600		207		0			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/12/2024	TO: TD1 - P9 - RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:10
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HỮU - HTHẮNG	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM THÁI SƠN	TD1	18-19	2	14	3	35	80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC HÙNG	TD1	17	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC ĐẠO	TD1	20-21	2	17			65	KH-THAC	Vietnamese
4	SUMANDA JOHNNY	P9	45-46	2	18			63	PVMR	Filipino
5	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	RP3	87	1	7	2	18	77	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUY HAI	RP3	93	1	2	3	55	65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN NAM TRUNG	RP3	77	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ THANH LÂM	RP3	89	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ QUANG HÙNG	RP3	88	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	79	1	10			64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	83	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC TUNG	RP3	78	1	9			75	CODIEN	Vietnamese
13	HOÀNG ĐÌNH CHIẾN	RP3	91	1	6	1	23	66	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	RP3	85	1	5			78	PSV	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN AN	RP3	81	1	8			70	PSV	Vietnamese
16	BUI VĂN LONG	RP3	80	1	3			70	PSV	Vietnamese
17	TRẦN BA MẬU	RP3	84	1	3			68	PSV	Vietnamese
18	VŨ HỒNG QUANG	RP3	94	1	6			76	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HIẾU	RP3	92	1	6			57	PSV	Vietnamese
20	ĐOÀN TUẤN ANH	RP3	82	1	7			64	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH MINH	RP3	86	1	6			57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	3	215	5	36	3	35	0		
2	P9	1	63	2	18	0	0	3		
3	RP3	17	1.156	17	104	6	96	18		
TOTAL		21	1.434	24	158	9	131	21		
WEIGHT KG			1.434		158		131			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/12/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK8+BK5+TD2	7:25	0+4+15	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 bk8-bk5
2		RP2+P1+BK3	7:25	5+12+1	0+0+0		1+16+3	0+0+0	

TTBDSX

BK3 - Noham.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/12/2024	TO: BK8 - BK5 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.CƯƠNG -	ETA: 09:20
XANH-1		NNAM	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN HỮU TRÍ	BK5	89	1	12			93	SINH HUNG	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN DUNG	BK5	87-88	2	12			62	SINH HUNG	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NGHỊ	BK5	76	1	11			58	SINH HUNG	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THOÀ	BK5	90-91	2	11			63	SINH HUNG	Vietnamese
5	VANEEV DMITRIY	TD2	96	1	14			106	KHOAN	Russian
6	NGUYỄN MẠNH HOAN	TD2	400	1	3			61	KHOAN	Vietnamese
7	BUI HUU HONG	TD2	06	1	4			83	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TUYẾN	TD2	93	1	7	2	30	82	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	98	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
10	BUI TRUNG THỌ	TD2						71	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	97	1	3			56	KHOAN	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN TRƯỜNG	TD2	94-95	2	12			72	KHOAN	Vietnamese
13	TRỊNH HỒNG SƠN	TD2	92	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	99	1	6			83	KHOAN	Vietnamese
15	TÔ TUẤN DUY	TD2	02	1	10			103	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ HỮU HUNG	TD2	01	1	12			75	KHOAN	Vietnamese
17	BUI MẠNH PHÚC	TD2	05	1	8			74	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ THẾ CÔNG	TD2	04	1	13			75	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG SƠN	TD2	03	1	9			71	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK8	0	0	0	0	3	55	0 + 1		CHUYEN 1 PAX BK8-BK5
2	BK5	4	276	6	46	0	0	0		
3	TD2	15	1.158	15	114	2	30	22		
TOTAL		19	1.434	21	160	5	85	22		
WEIGHT KG			1.434		160		85			

GRAND TOAL: 1.679 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/12/2024	TO: RP2 - P1 - BK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.CƯƠNG -	ETA: 11:40
XANH - 2		NNAM	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN QUỐC ĐẠI	RP2	44-45	2	19	2	15	84	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH VĂN TÂM	RP2	49	1	11			67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN GIA CƯỜNG	RP2	46	1	11			64	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ THAI THANH	RP2	47-48	2	19			77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN BA LƯỢNG	P1						67	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC TUÂN	P1						67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY HÙNG	P1	13	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
8	BUI NGỌC LAM	P1	11	1	8			75	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN MINH HIỆU	P1	06-07	2	11			73	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ VĂN HÙNG	P1	16	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TÂN PHƯỚC	P1	10	1	8			63	KHOAN	Vietnamese
12	KHUẤT QUANG KIẾN	P1	12	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN ĐỨC	P1	18-19	2	15			74	T-TIN	Vietnamese
14	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	P1	17	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN TUÂN LONG	P1	14-15	2	13			66	KHOAN	Vietnamese
16	LE TIẾN DUNG	P1	08	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN HỒNG NGU	P1	09	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
18	MOHAMAD AZHAR BIN SHUFAAT	BK3	30-31	2	21	4	65	73	NHATHAU	Malaysian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	4	292	6	60	2	15	1		
2	P1	13	910	14	89	0	0	16		
3	BK3	1	73	2	21	4	65	3		
TOTAL		18	1.275	22	170	6	80	20		
WEIGHT KG			1.275		170		80			

GRAND TOAL: 1.525 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN